

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 811/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ
- Bà Phan Thị Mai Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2386/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2026/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2641/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trang Hoàng H, sinh năm 1999

Địa chỉ: số D đường X, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2001

Địa chỉ: số A Tỉnh lộ 43, khu phố A, phường B, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trang Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trang Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành

phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 28/5/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu niềm tin lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Trong thời gian qua gia đình hai bên cũng như bản thân ông H đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến nay vợ chồng đã ly thân, tình trạng hôn nhân không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 5 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Trang Hoàng H đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không còn hòa hợp về suy nghĩ, tính cách. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn gắn bó chia sẻ với nhau và đã sống riêng từ năm 2022 nên bà đồng ý ly hôn ông H.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Trang Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trang Hoàng H được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T cư trú tại địa chỉ số A Tỉnh lộ 43, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện, ông Trang Hoàng H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã viết bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên ông H1 và bà T cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét ông Trang Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 28/5/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T có bản tự khai đồng ý với các yêu cầu của ông H và đề nghị được vắng mặt.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T đã xảy ra những mâu thuẫn do không có sự hòa hợp. Đến nay đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bản thân bà T đã chủ động tách ra sống riêng và không có mong muốn hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông H phải chịu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trang Hoàng H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trang Hoàng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trang Hoàng H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0044388 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND P. T,
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu

